

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY N
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY N - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa.

Ông Phạm Văn Sóng.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy N tham gia phiên toà: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 809/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- N đơn: Chị Trương Thị N; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn C; địa chỉ: Thôn 7, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trương Thị N là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung chị và anh Đỗ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Chị và anh C đã đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 3 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau cưới, chị về chung sống cùng với anh C tại thôn 7, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp; anh C không quan tâm lo lắng vợ con, không lo kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sinh con, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2012 cho đến nay. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ nên xin được ly hôn anh Đỗ Văn C. Con chung giữa chị và anh C là Trương Thị Thanh V sinh ngày 17 tháng 12 năm 2012. Hiện nay, con chung đang ở cùng với chị N. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị và anh C không có tài sản chung nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản. Do điều kiện ở xa và bận công việc không thể đến tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của tòa án được nên chị N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Anh Đỗ Văn C là bị đơn, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác song đến ngày mở phiên tòa, anh C vẫn không có văn bản trình bày ý kiến về việc chị Trương Thị N xin ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng theo Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị giao cháu Trương Thị Thanh V cho chị Trương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn là chị Trương Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Đỗ Văn C đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu của chị Trương Thị N ly hôn anh Đỗ Văn C

Chị N và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, kết hôn giữa chị N và anh C là hợp pháp. Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được, từ năm 2012 đến nay chị N và anh C sống ly thân nhau. Chị N xin ly hôn, anh C nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án song đến ngày mở phiên tòa anh C vẫn không có ý kiến về việc chị N xin ly hôn, làm kéo dài thời

gian giải quyết vụ án. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N xin ly hôn anh C.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị N và anh C có 01 con chung tên Trương Thị Thanh V. Khi ly hôn, chị N đề nghị để chị được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay chị N là người trực tiếp nuôi con; con chung có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với mẹ. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, điều kiện, hoàn cảnh của chị N, của anh C, Hội đồng xét xử xét giao cho chị Trương Thị N trực tiếp nuôi con Trương Thị Thanh V là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, anh C không có ý kiến về việc cấp dưỡng. Xét yêu cầu của các đương sự là tự nguyện, quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không buộc anh C phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, chị Trương Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đỗ Văn C không có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí, chị Trương Thị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Cho chị Trương Thị N được ly hôn với anh Đỗ Văn C.

- Giao cho chị Trương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trương Thị Thanh V sinh ngày 17 tháng 12 năm 2012 đến khi thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Chị Trương Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0003085 ngày 09/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy N), chị Trương Thị N đã nộp đủ án phí.

- Chị Trương Thị N và anh Đỗ Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H.Thủy N;
- Chi cục THADS H. Thủy N;
- UBND xã Cẩm Phú, H. Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huân

